

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HC-ST
Ngày: 09-7-2020
V/v khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mười

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoài Nam
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 39/2019/TLST-HC ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HC ngày 12 tháng 11 năm 2019 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa hành chính sơ thẩm số 293/2020/TB-HC ngày 29 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: Đội 8, thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện B.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B - Ông Đỗ Thiết K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Hà Y - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B (Văn bản ủy quyền số 3272/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Bà Bùi Thị H - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 395 PVD, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ngã 3 C, Ấp 7, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Ông Phạm Anh T1, sinh năm 1993 (Văn bản ủy quyền ngày 08/11/2019). Có mặt.

Địa chỉ: Số 55/10/2 Thành M, Phường 8, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thị M, sinh năm 1976.

- Chị Phạm Thị Minh Q, sinh năm 1996.

- Chị Phạm Thị Minh H, sinh năm 1998.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, chị Q, chị H: Ông Phạm Văn Đ (Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2019). Có mặt.

Cùng địa chỉ: Đội 8, thôn Đ, xã Bình H, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2019, ngày 05/4/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Phạm Văn Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M, chị Phạm Thị Minh Q, chị Phạm Thị Minh H trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 144, tờ bản đồ số 03 xã H do ông bà để lại. Từ năm 1975 ông ngoại ông Đ tên là Nguyễn X và di ruột Nguyễn Thị C đã canh tác, sản xuất trồng mì, lang trên thửa đất này. Đến năm 1995 gia đình ông được Nhà nước cấp đất để xây dựng nhà nên đã xây một ngôi nhà nhỏ để ở, đến ngày 05/6/1999 Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông, di ông tên Nguyễn Thị C là người lớn tuổi nên đứng tên chủ hộ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ đó gia đình ông xây dựng lại ngôi nhà lớn hơn để ở và thờ cúng ông bà. Tại thời điểm ngày 05/6/1999, hộ gia đình bà Nguyễn Thị C có 5 nhân khẩu gồm: Bà Nguyễn Thị C, ông Phạm Văn Đ, bà Lê Thị M (vợ ông Đ), con Phạm Thị Minh Q và Phạm Thị Minh H.

Gia đình ông Đn không công nhận bà Nguyễn Thị T là con nuôi của bà Nguyễn Thị C vì trong lý lịch đảng viên của bà Nguyễn Thị C chỉ có con nuôi tên Nguyễn Thị Thu T. Lúc còn sống, bà Nguyễn Thị C không để lại di chúc thừa kế di sản cho bà Nguyễn Thị T. Như vậy, bà Nguyễn Thị T phải có bằng chứng để chứng minh thủ tục hồ sơ gốc có tên Nguyễn Thị Thu T và thời gian, địa điểm thay đổi tên theo đúng pháp luật và được công nhận. Theo ông Đ được biết, bà Nguyễn Thị Thu T đã bỏ xứ, bỏ nhà ra đi từ năm 1985 đến nay đã hơn 34 năm, không có trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi gì ở địa phương và gia đình của bà Nguyễn Thị C. Trong thời gian 34 năm này, bà Thu T không trở về yêu cầu chính quyền địa phương cấp đất ở và đất sản xuất nông nghiệp, đồng nghĩa với việc từ chối quyền nhận cấp đất của nhà nước. Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 03 hiện nay gia đình ông đang sở hữu có một nhà thờ để cúng ông bà, một gian

nhà gia đình ông ở và một số công trình phụ khác, tất cả đều do gia đình ông xây dựng từ trước.

Như vậy, thửa đất số 144, tờ bản đồ số 03 mà Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị C (trong đó có ông Đ cùng vợ và 2 con) vào năm 1999, đến năm 2015 bà C chết, ông là chủ hộ hợp pháp. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện B lại ban hành Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 về việc thu hồi đất đang sử dụng của bà Nguyễn Thị T, ở tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 3438/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị T là trái pháp luật, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi chính đáng của gia đình ông. Do đó, ông yêu cầu Tòa án tuyên hủy hai quyết định nêu trên.

Tại Công văn số 2550/UBND ngày 08/10/2019, Công văn số 2258/UBND ngày 06/9/2019, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 03, diện tích 1050m² do hộ bà Nguyễn Thị C sử dụng có nguồn gốc do Hợp tác xã nông nghiệp cân đối chia đất 5% để sản xuất vào mục đích nông nghiệp vào năm 1977, đến năm 1992 do vị trí ở của bà bị ngập nước khi có mưa lũ, đường đi lại khó khăn nên bà Nguyễn Thị C xin làm nhà ở trên vị trí đất cân đối chia đất 5% do Hợp tác xã nông nghiệp cấp. Tại thời điểm này, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã H thống nhất cho bà Nguyễn Thị C được xây dựng nhà ở tại thửa đất số 144 nêu trên, bà C sử dụng ổn định vào mục đích để ở. Đến năm 1999 bà C kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành N 101164, số vào sổ 02017 QSDĐ/588/QĐUB(H) ngày 05/6/1999 cho hộ bà Nguyễn Thị C tại thửa đất số 144, tờ bản đồ số 03, diện tích 1050m², trong đó 200m² đất ở và 850m² đất vườn.

Trên cơ sở đơn xin khai nhận di sản thừa kế quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T là người con duy nhất của bà Nguyễn Thị C ghi ngày 27/7/2018 được Ủy ban nhân dân xã H niêm yết công khai tại Thông báo số 30/TB/NYCK-UBND ngày 03/8/2018, nội dung đơn yêu cầu của ông Phạm Văn Đ đã được Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi tổ chức làm việc với ông Đ để cung cấp các giấy tờ về thừa kế nhưng ông Đ không cung cấp được. Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã H trả lời tại Công văn số 90/UBND ngày 05/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện B hướng dẫn đơn cho ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn Th tại Công văn số 1129/UBND-NC ngày 17/5/2019.

Tại thời điểm xác lập hồ sơ kê khai, kiểm kê tài sản để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua huyện B đối với thửa đất số 631, tờ bản đồ số 01, xã H (bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi thẩm định ngày 15/12/2017) chính là thửa đất số 144, tờ bản đồ số 03, diện tích 1050m² do hộ bà Nguyễn Thị C sử dụng đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành N 101164, số vào sổ 02017 QSDĐ/588/QĐUB(H) ngày 05/6/1999, vào năm 2018 được Ủy ban nhân dân xã H và Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh

Quảng Ngãi xác nhận không có tranh chấp. Do đó Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 3438/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị T (là người thừa kế hợp pháp của bà Nguyễn Thị C đã chết), ở tỉnh Đồng Nai là đảm bảo theo quy định.

Việc xác định chủ thể được bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 631, tờ bản đồ số 01 nêu trên đã được Ủy ban nhân dân xã H niêm yết tại Thông báo số 30/TB/NYCK-UBND ngày 03/8/2018 nhưng trong quá trình niêm yết đã phát sinh đơn của ông Phạm Văn Đ về thửa kế đối với thửa đất này, đã được Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi tổ chức làm việc với ông Phạm Văn Đ để cung cấp các giấy tờ về thửa kế nhưng ông Đ không cung cấp được. Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã H trả lời tại Công văn số 90/UBND ngày 05/9/2018. Bên cạnh đó, về nguồn gốc thửa đất là do HTXNN cân đối chia đất 5% cho bà Nguyễn Thị C để sản xuất vào mục đích nông nghiệp vào năm 1977, tại thời điểm xét cấp đất cho bà Nguyễn Thị C vào năm 1977 có 4 khẩu gồm Nguyễn Thị C, Nguyễn X, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị X (tại thời điểm này không có ông Phạm Văn Đ, ông Đ nhập khẩu từ năm 1995-1999). Do đó, Ủy ban nhân dân xã H và Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông đã xác lập đối tượng thu hồi đất cho bà Nguyễn Thị T (là người thừa kế hợp pháp của bà Nguyễn Thị C đã chết) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 là có cơ sở. Tuy nhiên, sau khi Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 3438/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị T (là người thừa kế hợp pháp của bà Nguyễn Thị C đã chết), ở tỉnh Đồng Nai, bà T đã bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công nhưng ông Đ tiếp tục có đơn tranh chấp di sản thừa kế nên Ủy ban nhân dân huyện B đã hướng dẫn tại Công văn số 1129/UBND-NC ngày 17/5/2019 và đề nghị Ban quản lý chuyển số tiền bồi thường của bà T vào kho bạc nhà nước.

Ông Phạm Anh T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T được xác định là con nuôi duy nhất của bà Nguyễn Thị C, do đó Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1141/QĐ-UB ngày 26/9/2018 về việc thu hồi đất đang sử dụng của bà Nguyễn Thị T, ở tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 3438/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị T là đúng pháp luật.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

Bà Nguyễn Thị T là người thừa kế hợp pháp của bà Nguyễn Thị C đã chết nên Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1141/QĐ-UB ngày 26/9/2018 về việc thu hồi đất đang sử dụng của bà Nguyễn Thị T, ở tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 3438/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị T là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm. Người khởi kiện đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Riêng người bị kiện vắng mặt trong các buổi giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại là chưa chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Qua xem xét, đánh giá yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; xét thấy Quyết định số 1141/QĐ-UB ngày 26/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Sơn về việc thu hồi đất đang sử dụng của bà Nguyễn Thị T, ở tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 3438/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Sơn về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị T là không đúng quy định, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn Đ cùng vợ và các con của ông. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ, hủy 02 Quyết định nêu trên của UBND huyện Bình Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, ông Đoàn Hà Y là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị M, chị Phạm Thị Minh Q, chị Phạm Thị Minh H, bà Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 158 của Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Ngày 15/3/2019, ông Phạm Văn Đ khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3438/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị T (là người thừa kế hợp pháp của bà Nguyễn Thị C đã chết), ở tỉnh Đồng Nai và ngày 23/9/2019 ông Đ khởi kiện bổ sung, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi đất đang sử dụng của bà Nguyễn Thị T, ở tỉnh Đồng Nai. Cả hai quyết định trên đều là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại

khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2] *Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của các quyết định hành chính bị khởi kiện:*

[2.1] Trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện: Các quyết định hành chính bị khởi kiện do Ủy ban nhân dân huyện B ban hành đảm bảo trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 66, 69 Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

[2.2] Về tính có căn cứ của các quyết định hành chính bị khởi kiện:

[2.2.1] Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 3 xã H, diện tích 1050m² do hộ bà Nguyễn Thị C sử dụng có nguồn gốc do Hợp tác xã nông nghiệp cân đối chia đất 5% để sản xuất nông nghiệp vào năm 1977, đến năm 1992 bà Nguyễn Thị C xin làm nhà ở ổn định trên thửa đất này. Ngày 04/11/1998, bà Nguyễn Thị C có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng 05 thửa đất, trong đó có thửa đất số 144, tờ bản đồ số 3, diện tích 1050m², loại đất T. Đến ngày 05/6/1999, Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị C tại thửa đất số 144, tờ bản đồ số 3, diện tích 1050m², loại đất T.

Tại thời điểm hộ bà Nguyễn Thị C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/6/1999, theo xác nhận của Công an xã H trong Đơn đề nghị xác nhận nhân khẩu hộ gia đình của ông Phạm Văn Đ ngày 14/01/2019 (Bút lục 19) thì hộ bà C có 05 nhân khẩu gồm: Bà Nguyễn Thị C (chủ hộ), ông Phạm Văn Đ, bà Lê Thị M, chị Phạm Thị Minh Q, chị Phạm Thị Minh H. Trong Bản sao lục sổ hộ khẩu số 39 (BL 09, BL 22), Trưởng Công an xã H cũng xác nhận ông Phạm Văn Đ cùng vợ và hai con của ông đã có tên trong Sổ hộ khẩu của bà Nguyễn Thị C tại thời điểm ngày 01/01/1999. Theo Sổ hộ khẩu số 39 do Công an huyện B ký xác nhận ngày 15/01/1992 (Bút lục 280) thì hộ bà Nguyễn Thị C trước thời điểm năm 1999 cũng có 05 nhân khẩu là: Bà Nguyễn Thị C (chủ hộ), ông Phạm Văn Đ (cháu), bà Lê Thị M (cháu dâu) chuyển đến ngày 25/01/1995, chị Phạm Thị Minh Q (cháu, sinh ngày 04/3/1996) chuyển đến ngày 29/4/1996 và chị Phạm Thị Minh H (cháu, sinh ngày 10/3/1998) chuyển đến ngày 08/6/1998. Tại Báo cáo số 173/BC-UBND ngày 20/8/2019, Ủy ban nhân dân xã H cũng cho rằng trong khoảng thời gian từ năm 1992, khi bà Nguyễn Thị C chuyển nhà và xây dựng lại nhà để ở trên một phần diện tích về phía Bắc của thửa đất 144, có ở chung cùng ông Phạm Văn Đ (Bút lục 192). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận, tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị C vào ngày 05/6/1999 đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ số 3, diện tích 1050m² thì ông Phạm Văn Đ, vợ ông Đ và hai con của ông đã là thành viên trong hộ gia đình bà Nguyễn Thị C.

[2.2.2] Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bà Nguyễn Thị C (sinh ngày 08/9/1931, chết ngày 10/5/2015) không có chồng và con ruột; cha, mẹ bà C đều chết trước bà C. Tại Bản khai danh sách nhân khẩu của bà Nguyễn Thị C ngày 30/12/1977 thể hiện bà C có một người con nuôi tên Nguyễn Thị X.

Theo Bản khai danh sách nhân khẩu của bà Nguyễn Thị Ch ngày 02/11/1985, bà C có một con nuôi tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1967 và theo Bản khai nhân khẩu của bà Nguyễn Thị T ngày 02/11/1985 thì bà T có mẹ là bà Nguyễn Thị C (Bút lục 281). Theo Sơ yếu lý lịch đảng viên của bà Nguyễn Thị H (họ và tên khai sinh Nguyễn Thị C) ngày 18/6/1976 thì bà C có một con nuôi tên Nguyễn Thị Thu T. Mặt khác, bà Nguyễn Thị T cũng đã có đơn xin khai nhận di sản thừa kế quyền sử dụng đất ngày 27/7/2018, thể hiện bà T là con nuôi của bà Nguyễn Thị C, được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận tại Báo cáo số 96/BC-UBND ngày 23/4/2019. Như vậy, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị C có một người con nuôi tên Nguyễn Thị T.

Tuy nhiên, tại Bản khai danh sách nhân khẩu của hộ bà Nguyễn Thị C ngày 02/11/1985, tên Nguyễn Thị T đã bị gạch bỏ. Theo trình bày của ông Lê Văn T, Trưởng Công an xã H tại Biên bản làm việc ngày 08/5/2020 (Bút lục 294), lý do gạch xóa tên bà Nguyễn Thị T trong Sổ hộ khẩu hộ bà Nguyễn Thị C là do bà T đã bỏ đi từ trước năm 1990, theo quy định của pháp luật vào thời điểm đó, công dân bỏ đi khỏi địa phương từ 06 tháng trở lên không xin phép địa phương thì Công an xã sẽ xóa tên trong Sổ hộ khẩu. Lời trình bày của ông Lê Văn T phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị định số 04-HĐBT ngày 07/01/1988 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Điều lệ đăng ký và quản lý hộ khẩu. Mặt khác, tại Báo cáo số 173/BC-UBND ngày 20/8/2019, Ủy ban nhân dân xã H cũng xác nhận: *“Đến năm 1987, bà Nguyễn Thị C bị đau đang điều trị tại thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị T tự ý bỏ nhà ra đi, không ở tại địa phương”* (Bút lục 192). Như vậy, vào thời điểm năm 1999, khi Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị C thì bà Nguyễn Thị T không mặt tại địa phương, không có tên trong sổ hộ khẩu của hộ bà Nguyễn Thị C.

[2.2.3] Thực hiện Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km 1027-Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi, đoạn qua huyện B; sau khi bà C chết vào năm 2015, ông Phạm Văn Đ được Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc và các khoản hỗ trợ theo Quyết định số 3440/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 khi thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A. Đối với việc thu hồi và bồi thường, hỗ trợ tại thửa đất số 144: Ủy ban nhân dân huyện B xác định đây là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị C để lại nên bà Nguyễn Thị T là người thừa kế hợp pháp. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 về việc thu hồi đất đang sử dụng của bà Nguyễn Thị T, ở tỉnh Đồng Nai tại thửa đất số 631, tờ bản đồ số 01 (bản đồ trích đo năm 2017), diện tích 342m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02017, thuộc thửa đất số 144, tờ bản đồ số 03 xã H) và ngày 28/9/2018 ban hành Quyết định số 3438/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị T (là người thừa kế hợp pháp của bà Nguyễn Thị C đã chết), ở tỉnh Đồng Nai.

Tuy nhiên, như đã nhận định ở trên; ông Phạm Văn Đ, bà Lê Thị M, chị Phạm Thị Minh H, Phạm Thị Minh Q có tên trong Sổ hộ khẩu bà Nguyễn Thị C

trước thời điểm Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị C; do đó, ông Phạm Văn Đ cùng vợ và các con của ông Đ có quyền sở hữu chung, quyền sử dụng chung đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ số 3 xã H, diện tích 1050m² tại thời điểm được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật đất đai 2013; Điều 212 Bộ luật dân sự 2015. Việc Ủy ban nhân dân huyện B cho rằng ông Phạm Văn Đ cùng vợ và các con của ông Đ không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến thửa đất số 144, tờ bản đồ số 3 xã H là không đúng quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T không có tên trong Sổ hộ khẩu của hộ bà Nguyễn Thị C tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà C nhưng Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 về việc thu hồi đất đang sử dụng của bà Nguyễn Thị T, ở tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 3438/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị T (là người thừa kế hợp pháp của bà Nguyễn Thị C, đã chết), ở tỉnh Đồng Nai là không đúng quy định pháp luật; xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn Đ, bà Lê Thị M, chị Phạm Thị Minh Q, chị Phạm Thị Minh H.

[2.2.4] Mặt khác, trong quá trình lập hồ sơ thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ về đất cho bà Nguyễn Thị T; ông Phạm Văn Đ có đơn gửi UBND xã H với nội dung không đồng ý bà Nguyễn Thị T khai nhận di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị C tại thửa đất số 144, tờ bản đồ số 3, diện tích 1050m². Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã H không hướng dẫn ông Phạm Văn Đ khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế đến Tòa án nhân dân mà tiếp tục xác nhận hồ sơ thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị T là chưa đảm bảo quy định của pháp luật. Tại Công văn số 1129/UBND-NC ngày 17/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc hướng dẫn đơn cho ông Phạm Văn Đ và ông Phạm T (Bút lục 142) và Công văn số 52/UBKT-TTH ngày 06/5/2019 của Cơ quan Ủy ban kiểm tra - Thanh tra huyện B về việc đề nghị tạm dừng chi trả tiền bồi thường cho bà Nguyễn Thị T tại thửa đất số 144, tờ bản đồ số 3, xã H (Bút lục 122) cũng đã kết luận nội dung này.

[2.3] Từ những nhận trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ, hủy Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi đất đang sử dụng của bà Nguyễn Thị T, ở tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 3438/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị T (là người thừa kế hợp pháp của bà Nguyễn Thị C đã chết), ở tỉnh Đồng Nai.

[3] Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện B phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm; hoàn trả cho ông Phạm Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002130 ngày 12/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; khoản 29 Điều 3, Điều 166 Luật đất đai 2013; Điều 212 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ.

- Hủy Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi đất đang sử dụng của bà Nguyễn Thị T, ở tỉnh Đồng Nai.

- Hủy Quyết định số 3438/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị T (là người thừa kế hợp pháp của bà Nguyễn Thị C đã chết), ở tỉnh Đồng Nai.

Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện B phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm; hoàn trả cho ông Phạm Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002130 ngày 12/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hoài Nam Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Trần Mười

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mười

